

Số:142/2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**THÔNG TƯ**

**Quy định cơ chế tài chính thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật chuyên gia công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và Quyết định số 1381/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định cơ chế tài chính thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định cơ chế tài chính thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm quy định tại Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức

khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (sau đây gọi là Chương trình) và Quyết định số 1381/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Chương trình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Kinh phí thực hiện Chương trình**

Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn:

### 1. Nguồn ngân sách nhà nước:

a) Chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Để thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm của Chương trình và được bố trí trong dự toán chi của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý của Luật ngân sách nhà nước và quản lý theo Luật đầu tư công.

b) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, bao gồm:

- Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách trung ương để hỗ trợ các dự án, đề tài, đề án (sau đây gọi là nhiệm vụ) thuộc Chương trình do trung ương trực tiếp quản lý, gồm:

+ Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia của Chương trình (do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý): Bao gồm các nhiệm vụ đảm bảo các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện; trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ thực hiện ở những vùng, địa phương có điều kiện khó khăn.

+ Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ (do các Bộ, cơ quan trung ương quản lý): Bao gồm các nhiệm vụ hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc các Bộ, cơ quan trung ương quản lý.

+ Các hoạt động chung và các nhiệm vụ thường xuyên thực hiện Chương trình.

- Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của ngân sách trung ương ủy quyền ngân sách địa phương quản lý để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia của Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt và ủy quyền cho các địa phương quản lý, thực hiện. Ngân sách trung ương bố trí 100% theo mức hỗ trợ của từng loại nhiệm vụ, nội dung chi được quy định tại Thông tư này.

- Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình tại địa phương; chi các hoạt động chung và các nhiệm vụ thường xuyên thực hiện Chương trình tại địa phương.

c) Nguồn ngân sách nhà nước của Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước

theo Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ cho các hoạt động về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý theo các nội dung quy định của Chương trình.

2. Nguồn vốn của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia để hỗ trợ các nhiệm vụ của Chương trình thuộc nhiệm vụ và mức hỗ trợ theo quy định của Điều lệ và quy chế tài chính của từng Quỹ.

Ngân sách nhà nước không hỗ trợ đối với các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình đã được hỗ trợ từ nguồn vốn của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

3. Nguồn kinh phí khác, gồm:

a) Kinh phí của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

b) Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

### **Điều 3. Nguyên tắc huy động các nguồn tài chính**

1. Các nhiệm vụ thuộc Chương trình phải có phương án huy động các nguồn tài chính, trong đó nêu đầy đủ nhu cầu về kinh phí, chi tiết theo từng nguồn nêu tại Điều 2 của Thông tư này và thuyết minh rõ khả năng huy động các nguồn tài chính để thực hiện.

2. Phương án huy động các nguồn tài chính đảm bảo tính khả thi:

a) Các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ phải được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tại thời điểm gần nhất (trong vòng 01 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình); vốn, tài sản của tổ chức, cá nhân để đối ứng thực hiện nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm;

b) Các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về nguồn kinh phí đó.

3. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm sử dụng và giải ngân nguồn kinh phí huy động (ngoài ngân sách nhà nước) theo đúng phương án huy động các nguồn tài chính, đảm bảo về cơ cấu theo tỷ lệ với nguồn ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

### **Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước**

1. Việc cân đối nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình căn cứ theo cơ cấu tỷ lệ với các nguồn kinh phí huy động khác ngoài ngân sách theo nhiệm vụ được phê duyệt. Nhà nước đảm bảo bố trí đủ kinh phí hỗ trợ cho các nhiệm vụ được phê duyệt theo nội dung và nguyên tắc quy định tại Thông tư này.

2. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước được lập kế hoạch chi tiết theo từng loại nguồn vốn cho cả giai đoạn thực hiện; được phân bổ và sử dụng theo tiến độ và cơ cấu nguồn vốn của nhiệm vụ đã được phê duyệt.

3. Nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quy định tại Chương II của Thông tư này là các mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình do ngân sách địa phương đảm bảo) quyết định các nội dung, mức chi và tổng mức kinh phí hỗ trợ cụ thể cho từng nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với nguyên tắc quy định tại Thông tư này.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình có hiệu quả, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và không trùng lặp với các chương trình, dự án khác; đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 5. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Hỗ trợ cơ sở ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

Đối tượng thuộc phạm vi hỗ trợ theo quy định tại Khoản này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 19/2016/TT-BKHCN ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (sau đây gọi là Thông tư số 19/2016/TT-BKHCN). Các nội dung hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí mua sắm các trang thiết bị dùng chung phục vụ trực tiếp hoạt động ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ của cơ sở ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (sau đây gọi là cơ sở ương tạo):

Danh mục trang thiết bị dùng chung cho cơ sở ương tạo được xác định phù hợp theo từng lĩnh vực công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mức hỗ trợ kinh phí mua sắm các trang thiết bị dùng chung cho cơ sở ươm tạo không vượt quá 45% tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động tư vấn về ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho các tổ chức cá nhân tham gia ươm tạo tại cơ sở ươm tạo theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Tối đa không quá 80 triệu đồng cho hoạt động tư vấn của 01 nhiệm vụ. Nội dung các hoạt động tư vấn được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho người làm việc tại cơ sở ươm tạo và tổ chức, cá nhân tham gia ươm tạo tại cơ sở ươm tạo: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức; Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Tổ chức hội nghị, hội thảo phục vụ hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ của cơ sở ươm tạo: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

đ) Hỗ trợ kinh phí để xây dựng trang thông tin điện tử quảng bá về cơ sở ươm tạo: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

## 2. Hỗ trợ hoạt động ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

Đối tượng thuộc phạm vi hỗ trợ theo quy định tại Khoản này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 19/2016/TT-BKH-CN. Các nội dung hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh trên thị trường:

- Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, giải mã công nghệ để tạo ra sản phẩm mới có khả năng thương mại hóa;

- Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí cho hoạt động hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới trên cơ sở các sáng chế, giải pháp hữu ích, giải pháp kỹ thuật, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hoặc ứng dụng và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp vào sản xuất, kinh doanh.

Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

(Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, sau đây gọi là Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo:

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vận hành máy móc, thiết bị (bao gồm cả chi phí nhân công) tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ tối đa 30% kinh phí thực hiện các nội dung của nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng trong quá trình thực hiện thí nghiệm; kinh phí thuê các dịch vụ được cung cấp bởi phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo.

### 3. Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

a) Đối tượng thuộc phạm vi hỗ trợ theo quy định tại Khoản này phải đáp ứng các điều kiện quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí nghiên cứu, phát triển ý tưởng sáng tạo để khởi nghiệp doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

## **Điều 6. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

Đối tượng thuộc phạm vi hỗ trợ theo quy định tại Điều này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 19/2016/TT-BKHCN. Các nội dung hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí nghiên cứu hoàn thiện công nghệ để đa dạng hóa sản phẩm hoặc đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ mới để tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh trên thị trường. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

2. Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp khoa học và công nghệ xây dựng, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hướng dẫn doanh nghiệp khoa học và công nghệ hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định: Tối đa không quá 80 triệu đồng cho hoạt động tư vấn của 01 nhiệm vụ. Nội dung các hoạt động tư vấn được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 7. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

Đối tượng thuộc phạm vi hỗ trợ theo quy định tại Điều này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 19/2016/TT-BKHCN. Các nội dung hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ kinh phí trang bị máy móc, thiết bị thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải lập, phê duyệt và quản lý dự án mua sắm trang thiết bị theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Trong đó:

a) Ngân sách nhà nước tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho các dự án mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị thí nghiệm, thử nghiệm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành) của tổ chức khoa học và công nghệ công lập đã được cấp có thẩm quyền phân loại là tổ chức khoa học và công nghệ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Không hỗ trợ kinh phí đối với các dự án mua sắm, trang thiết bị mới do tổ chức khoa học và công nghệ tự bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện.

b) Hỗ trợ một phần kinh phí cho các dự án mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ hoạt động nghiên cứu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước của tổ chức khoa học và công nghệ công lập đã được cấp có thẩm quyền phân loại là tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực tự chủ của tổ chức. Mức hỗ trợ tối đa không quá 70% tổng kinh phí thực hiện dự án.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách hàng năm, Bộ trưởng các Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc địa phương quản lý) quyết định cụ thể mức kinh phí hỗ trợ cho các dự án mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc quyền quản lý đảm bảo phù hợp.

c) Trong trường hợp không có khả năng cân đối nguồn lực để bố trí vốn cho các dự án đầu tư trang bị máy móc, thiết bị thí nghiệm, thử nghiệm, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuê máy móc, thiết bị thí nghiệm, thử nghiệm trực tiếp phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt) trên cơ sở hợp đồng đã được ký kết với đơn vị có thiết bị cho thuê. Tổng mức ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thuê máy móc, thiết bị để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tối đa không quá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)/toàn bộ thời gian thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



## 2. Hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí nghiên cứu, phát triển ý tưởng sáng tạo để có kết quả công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 70% kinh phí nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học để tăng nguồn thu, nâng cao năng lực tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

## 3. Hỗ trợ kinh phí thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới có khả năng thương mại hóa:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% tổng mức kinh phí đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (không bao gồm giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao tài sản cố định đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư) để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới có khả năng thương mại hóa; tối đa đến 70% tổng mức kinh phí đầu tư để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp để triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các văn bản khác có liên quan.

4. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho cán bộ nghiên cứu và cán bộ kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

## **Điều 8. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình**

1. Chi thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Chương trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

2. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; xét chọn, tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ của Chương trình; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Chủ nhiệm Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

3. Chi điều tra, khảo sát, thống kê, đánh giá, phân loại các tổ chức có tiềm lực hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ; điều tra, thống kê,



đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện cơ chế tự chủ:

a) Nội dung, số lượng các cuộc điều tra, khảo sát được thực hiện theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Nội dung và định mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

4. Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách về phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

5. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

6. Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc): Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

7. Chi đoàn ra, đoàn vào: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 1 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

8. Chi mua sắm trang thiết bị văn phòng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình: Thực hiện theo các quy định hiện hành về tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định về việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

9. Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động chung của Chương trình: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

#### **Điều 9. Lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình**

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành. Thông tư này quy định một số nội dung cụ thể như sau:

### 1. Lập dự toán:

a) Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, các tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ của Chương trình, căn cứ vào các nhiệm vụ được phê duyệt và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này để lập dự toán kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện nhiệm vụ của Chương trình, gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp chung vào dự toán của các Bộ, ngành, địa phương (theo phân cấp quản lý ngân sách) gửi cơ quan tài chính để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và phối hợp thực hiện.

b) Đối với kinh phí ngân sách trung ương ủy quyền cho ngân sách địa phương quản lý để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia của Chương trình: Căn cứ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia ủy quyền cho các địa phương quản lý, thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ lập dự toán ngân sách hỗ trợ cho từng địa phương và tổng hợp gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm lập dự toán chi ngân sách trung ương hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định quản lý tài chính và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Đối với kinh phí ngân sách trung ương ủy quyền cho ngân sách địa phương quản lý để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, việc phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước và Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

### 3. Tạm ứng, thanh toán và kiểm soát kinh phí

a) Việc tạm ứng, thanh toán, kiểm soát chi kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC)

b) Việc tạm ứng, thanh toán, kiểm soát chi hoạt động chung quản lý Chương trình: Thực hiện theo quy định hiện hành đối với đơn vị dự toán cấp 3 sử dụng ngân sách nhà nước. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

#### 4. Quyết toán kinh phí:

Việc quyết toán kinh phí của Chương trình được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Thông tư số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC và các quy định hiện hành. Đối với kinh phí ngân sách trung ương ủy quyền cho ngân sách địa phương quản lý để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, hạch toán vào chương của đơn vị chủ trì nhiệm vụ và loại khoản tương ứng.

5. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đang trong thời gian thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

#### **Điều 10. Kinh phí khác thực hiện Chương trình**

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phê duyệt nhiệm vụ thuộc Chương trình, căn cứ vào quy định tại Thông tư này xác định mức chi từ nguồn kinh phí khác thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo cơ cấu tài chính, kinh phí thực hiện Chương trình.

2. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình chủ động huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Định mức chi, công tác hạch toán, quyết toán nguồn kinh phí khác được thực hiện theo các quy định hiện hành đối với từng loại nguồn vốn, khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

#### **Điều 11. Công tác kiểm tra tài chính thực hiện Chương trình**

1. Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình hình thực hiện các nhiệm vụ, nội dung, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

Đơn vị được giao quản lý kinh phí ở trung ương, địa phương và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

2. Trong trường hợp nhiệm vụ không được thực hiện theo đúng kế hoạch, việc huy động, giải ngân các nguồn kinh phí khác không đúng tiến độ, hoặc không đúng với cơ cấu và tổng mức quy định tại Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc theo hợp đồng đã ký; kinh phí được giao sử dụng sai mục đích, sai chế độ: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý Chương trình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý như sau: Đình chỉ nhiệm vụ; xuất toán khoản chi sai, thu hồi nộp ngân sách nhà nước (đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước), yêu cầu đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ xử lý khoản chi sai (đối với nguồn kinh phí khác) và các hình thức xử lý khác theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Điều 12. Công tác quản lý, xử lý tài sản và sản phẩm của Chương trình**

Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản và sản phẩm được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 105 Luật quản lý, sử dụng tài sản công 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2018 và áp dụng từ năm ngân sách 2018.

2. Thông tư liên tịch số 49/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính của Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

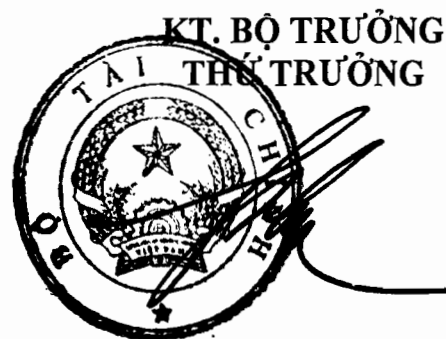
3. Đối với các nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ để phối hợp giải quyết. /

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện KSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, Sở Tài chính, Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN(3205)



**Trần Xuân Hà**